

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**

**CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI
- KINH BẮC**

Cho năm tài chính 2016

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội
ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82 * Fax: (84) 4 3974 5083
Email: cpahanoi@fpt.vn * Website: www.cpahanoi.com

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC
Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2, KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm - TP. Hà Nội
Điện thoại: 04 3787 7290. Fax: 04 3787 7291

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
KIỂM TOÁN**
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI
- KINH BẮC
Cho năm tài chính 2016
Kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Số 3 ngõ 1295 - Giải Phóng - Hoàng Liệt - Hoàng Mai - Hà Nội
Điện thoại: (84 43) 974 50 81/82 Fax: (84 43) 974 50 83

Hà Nội, tháng 03 năm 2017

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 06
Báo cáo Kiểm toán độc lập	07 - 08
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016	09 - 10
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2016	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2016	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016	14 - 30
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình	31
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình	32
Phụ lục 03 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính 2016.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng Quản trị:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Ông Dương Quang Lư	Chủ tịch HĐQT	10/11/2009	
Bà Trương Thị Hoàng Lan	Thành viên HĐQT	12/11/2015	31/05/2016
Ông Dương Đức Ngọc	Thành viên HĐQT	02/12/2015	05/10/2016
Ông Trần Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	02/12/2015	05/10/2016
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên HĐQT	02/12/2015	31/05/2016
Bà Phạm Thị Tỷ	Thành viên HĐQT	02/12/2015	31/05/2016
Ông Trần Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	02/12/2015	
Ông Ngô Quang Hòa	Thành viên HĐQT	02/12/2015	31/05/2016
Ông Lê Đức Hoàng	TV độc lập HĐQT	31/05/2016	
Bà Bùi Thùy Anh	Thành viên HĐQT	05/10/2016	
Bà Đặng Thị Như Quỳnh	Thành viên HĐQT	05/10/2016	

Ban Kiểm soát:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>	<u>Ngày miễn nhiệm</u>
Bà Nguyễn Thị Dung	Trưởng ban kiểm soát	01/06/2013	31/05/2016
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS	06/01/2016	31/05/2016
Trần Thị Sương	Thành viên BKS	06/01/2016	31/05/2016
Ông Dương Danh Quân	Trưởng ban kiểm soát	31/05/2016	
Ông Trịnh Quốc Đạt	Thành viên BKS	31/05/2016	
Bà Nguyễn Phương Thảo	Thành viên BKS	31/05/2016	

Khái quát về Công ty:

Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (tên cũ là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội – Kinh Bắc) là Công ty cổ phần, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, thay đổi lần 14 ngày 21/07/2016. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: **515.999.990.000 đồng** (*Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Công ty có 03 Công ty con :

- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Lumex – Chi nhánh Bình Định
- Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hưng Lộc Phát
- Công ty cổ phần Nông nghiệp Tấn Hưng

Lĩnh vực kinh doanh:

Bán buôn gạo; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản xuất chiết xuất và phế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Các chế phẩm khác từ thóc; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác: hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác: bán buôn hạt, quả có dầu, sắn lát; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột tinh bột, thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hòa tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương; Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; Đúc kim loại màu; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác, đá quý, bột thạch anh, mica; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ loại Nhà nước cấm); Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất vôi, xi măng, thạch cao; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp*

đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Bán buôn phân bón; Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, trứng và sản phẩm từ trứng, dầu, mỡ, động thực vật, hạt tiêu, gia vị khác, thức ăn cho động vật cảnh; Xay xát và sản xuất bột thô; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản); Khai thác muối; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất quặng kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; Sản xuất sản phẩm từ plastic. Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic; Đại lý môi giới, đấu giá. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Xuất nhập khẩu các mặt hàng khác Công ty kinh doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ uống; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế; sản xuất hương các loại.*

Công ty có trụ sở tại: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc cho năm tài chính 2016 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 31/12/2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính 2016 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này từ trang 09 đến trang 33.

Tại báo cáo này Ban Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;
- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Công ty đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2016;
- Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016 đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất;
- Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 31/12/2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết

phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2016;

- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM HÀ NỘI –
KINH BẮC**



DUONG QUANG LƯ

Chủ tịch HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Email: cpahanoi1999@gmail.com

Fax: (84) 4 3974 5083

Website: www.cpahanoi.com

AICA

Số: 137 /2017/BCKT/BCTC/CPAHANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

cho năm tài chính 2016

Kính gửi: Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc, được lập ngày 20/01/2017, từ trang 09 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa

chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 05 bản tiếng Việt, các bản có giá trị ngang nhau. Công ty Cổ phần Nông nghiệp và thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc giữ 04 bản tiếng Việt, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 bản tiếng Việt.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ

TOÁN HÀ NỘI

Tổng giám đốc



Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán

Số: 0132-2013-016-1

Kiểm toán viên

Bùi Quang Hợp

Giấy Chứng nhận ĐKHN kiểm toán

Số: 1796-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		253.323.996.057	245.251.695.239
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		19.480.259.862	76.046.592.894
1	Tiền	111	V.1	19.480.259.862	76.046.592.894
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	9.800.000.000
1	Đầu tư ngắn hạn	121		-	9.800.000.000
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		181.639.878.024	89.981.579.556
1	Phải thu khách hàng ngắn hạn	131	V.2	130.075.379.946	83.914.225.639
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.850.871.930	2.863.570.028
3	Các khoản phải thu khác ngắn hạn	138	V.4	52.944.676.371	6.294.276.289
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(3.231.050.223)	(3.090.492.400)
IV	Hàng tồn kho	140		36.142.219.015	57.494.290.960
1	Hàng tồn kho	141	V.5	36.142.219.015	57.494.290.960
V	Tài sản ngắn hạn khác	150	V.6	16.061.639.156	11.929.231.829
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		197.737.634	153.468.358
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		15.861.751.927	11.775.763.471
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152		2.149.595	-
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		579.222.936.075	151.919.275.476
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II	Tài sản cố định	220		83.052.310.926	90.725.152.315
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	75.904.310.926	83.577.152.315
	- Nguyên giá	222		81.833.328.685	88.706.196.990
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.929.017.759)	(5.129.044.675)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.8	7.148.000.000	7.148.000.000
	- Nguyên giá	228		7.148.000.000	7.148.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		38.314.947.181	29.123.318.329
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	V.9	38.314.947.181	29.123.318.329
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	24.000.000.000
1	Đầu tư vào công ty con	251		-	24.000.000.000
V	Tài sản dài hạn khác	260		457.855.677.968	8.070.804.832
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	10.009.296.656	8.070.804.832
2	Lợi thế thương mại	262	V.11	447.846.381.312	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		832.546.932.132	397.170.970.715

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2016

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		237.832.474.576	175.803.337.929
I	Nợ ngắn hạn	310		185.914.125.276	118.247.508.929
1	Phải trả người bán ngắn hạn	312	V.12	13.068.109.921	4.537.732.864
2	Người mua trả tiền trước	313	V.13	2.765.570.980	149.508.239
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	7.891.969.493	8.234.870.902
4	Phải trả công nhân viên	315		637.132.508	-
5	Chi phí phải trả	316		8.334.000	8.334.000
6	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	286.231.619	8.877.924
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	161.079.571.755	105.120.980.000
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn			-	-
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	321		177.205.000	187.205.000
II	Nợ dài hạn	330		51.918.349.300	57.555.829.000
1	Vay và nợ dài hạn	334	V.16	51.918.349.300	57.555.829.000
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400		594.714.457.556	221.367.632.786
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	594.714.457.556	221.367.632.786
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		515.999.990.000	200.000.000.000
2	Quỹ đầu tư phát triển	417		5.367.642.786	850.000.000
3	Lợi nhuận chưa phân phối	420		60.697.120.078	20.517.632.786
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước			79.664.264.390	20.517.632.786
	- LNST chưa phân phối kỳ này			(18.967.144.312)	
4	Lợi ích của cổ đông thiểu số	421		12.649.704.692	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		832.546.932.132	397.170.970.715

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Hạnh

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017



Chủ tịch HĐQT

Dương Quang Lưu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 Năm 2016

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	765.121.444.698	434.623.742.716
2	Các khoản giảm trừ	3		60.350.130	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	765.061.094.568	434.623.742.716
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.3	632.084.839.632	408.429.685.793
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		132.976.254.936	26.194.056.923
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	782.769.588	87.851.352
7	Chi phí tài chính	22	VI.5	11.926.049.137	4.342.539.474
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		11.866.935.254	3.723.824.597
8	Chi phí bán hàng	24	VI.6	8.739.548.886	4.202.692.034
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	24.996.254.316	11.699.807.581
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		88.097.172.185	6.036.869.186
11	Thu nhập khác	31	VI.8	831.415.358	3.969.917.360
12	Chi phí khác	32	VI.9	12.115.164.700	3.135.814.268
13	Lợi nhuận khác	40		(13.555.419.987)	834.103.092
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		74.567.090.726	6.870.972.278
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	3.045.024.168	1.933.278.138
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		71.522.066.558	4.937.694.140
	- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			58.819.927.249	
	- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát			12.702.139.309	
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		VI.11	-	-

Kế toán trưởng


 Hoàng Thị Minh Hạnh

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017



Chủ tịch HĐQT


 Dương Quang Lư

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		74.567.090.726	6.870.992.599
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		4.702.702.091	2.663.429.288
- Các khoản dự phòng	03			
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		460.270.586	5.325.917
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.333.228.551)	834.069.542
- Chi phí lãi vay	06		11.850.030.812	4.337.678.366
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước	08		89.246.865.664	14.711.495.712
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		423.771.987.741	(25.954.096.165)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		21.732.127.040	(10.786.575.998)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay	11		21.726.354.521	(4.911.945.826)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.934.345.698)	(4.245.011.329)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		(11.850.030.812)	(4.337.678.366)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.081.523.088)	(2.090.075.232)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(25.593.500)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		538.585.841.868	(37.613.887.204)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.368.498.209)	(22.295.000.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.500.000.000	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị	23			
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(851.308.920.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		9.800.000.000	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.401.727	

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
 (Theo phương pháp gián tiếp)

<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(840.373.016.482)	(22.295.000.000)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp	31	351.308.920.000	42.785.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	425.543.112.614	274.434.073.847
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(531.631.191.032)	(184.664.476.704)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	245.220.841.582	132.554.597.143
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 =</i>	50	(56.566.333.032)	72.645.709.939
<i>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</i>	60	76.046.592.894	3.400.882.955
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi</i>	61		
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	70	19.480.259.862	76.046.592.894

Hà nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Hạnh

Chủ tịch HĐQT



Dương Quang Lư

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc (tên cũ là Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư Hà Nội - Kinh Bắc) là Công ty cổ phần niêm yết, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104246382 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 09/11/2009, thay đổi lần 14 ngày 21/07/2016. Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty: **515.999.990.000 đồng** (*Năm trăm mười lăm tỷ, chín trăm chín mươi chín triệu, chín trăm chín mươi nghìn đồng*).

Công ty có trụ sở tại: Nhà 905 CT1-2, KĐT Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty:

Bán buôn gạo; Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu. *Chi tiết: Rang và lọc cà phê; Sản xuất các sản phẩm cà phê như: cà phê hòa tan, cà phê lọc, chiết xuất cà phê và cà phê cô đặc; Sản xuất các chất thay thế cà phê; Trộn chè và chất phụ gia; Sản xuất chiết xuất và phế phẩm từ chè hoặc đồ pha kèm; Các chế phẩm khác từ thóc; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác: hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương, thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản, nông, lâm sản nguyên liệu khác: bán buôn hạt, quả có dầu, sản lát; Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột tinh bột, thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh: cà phê bột, cà phê hòa tan, chè, hạt đậu đen, hạt đậu xanh, hạt đậu tương; Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật; Đúc kim loại màu; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác mỏ và khai thác khoáng chất và nguyên liệu khác chưa được phân vào đâu như: Nguyên liệu làm đá mài, đá quý, các khoáng chất, grafit tự nhiên, và các chất phụ gia khác, đá quý, bột thạch anh, mica; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ (trừ loại Nhà nước cấm); Sản xuất sản*

phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất sản phẩm chịu lửa; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất vôi, xi măng, thạch cao; Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. *Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến, xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi, kính xây dựng, sơn, véc ni, gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh, đồ ngũ kim, vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;* Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. *Chi tiết: Bán buôn phân bón;* Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón; Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ (trừ loại Nhà nước cấm); Bán buôn thực phẩm. *Chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau, quả, cà phê, chè, đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột, thực phẩm khác, trứng và sản phẩm từ trứng, dầu, mỡ, động thực vật, hạt tiêu, gia vị khác, thức ăn cho động vật cảnh;* Xay xát và sản xuất bột thô; Chế biến và bảo quản rau quả; Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; Đúc sắt, thép; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản); Khai thác muối; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. *Chi tiết: Dịch vụ khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);* Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Sản xuất quặng kim loại màu và kim loại quý; Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì; Sản xuất sản phẩm từ plastic. *Chi tiết: sản xuất bao bì từ plastic;* Đại lý môi giới, đấu giá. Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa. Môi giới thương mại; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Xuất nhập khẩu các mặt hàng khác Công ty kinh doanh; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. *Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Bán buôn tổng hợp; Bán buôn đồ uống; Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường); Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: sản xuất keo hồ và các chất đã được pha chế; sản xuất hương các loại.*

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đ)

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức Sổ kế toán trên máy vi tính. Đến thời điểm khoá sổ lập Báo cáo tài chính, Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính hợp nhất, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

3. Chuẩn mực kế toán áp dụng:

Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: Tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển:

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo;

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

- Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

- Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ các khoản mục có gốc ngoại tệ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong năm.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác:

- Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi được trích lập theo Thông tư số 228/2009/TT - BTC ngày 07/12/2009 của Bộ tài chính.

3. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định:

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được hạch toán theo ba tiêu thức: nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo

thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 49 năm
- Máy móc thiết bị	06 - 13 năm
- Phương tiện vận tải	10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Chi phí quyền sử dụng đất	50 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác:

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay:

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

- *Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:*

- Chi phí trả trước: Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư XD/CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.
- Chi phí khác: Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư XD/CB, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hóa vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc nâng cấp đó.

- *Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí khác:*

- Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.
- Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn tiêu thức và phương pháp phân bổ hợp lý.

6. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác:

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 01 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 01 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

7. Các nghĩa vụ về thuế:

- *Thuế giá trị gia tăng:* Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế giá trị gia tăng tại Cục thuế Thành phố Hà Nội. Hàng tháng có lập tờ khai thuế đầu vào và thuế đầu ra theo đúng qui định của luật thuế hiện hành.
- *Thuế thu nhập doanh nghiệp:* Công ty nộp thuế TNDN với thuế suất 20%.

- *Các loại thuế khác:* Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.
- 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu và các quỹ:**
- Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.
- Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.
- 9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu:**
- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*
 - Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
 - Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
 - *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
 - Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- 10. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**
- Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

		Cuối năm	Đầu năm
1 . TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN			
Tiền mặt		71.414.220	843.265.997
Tiền gửi ngân hàng		19.408.845.642	75.203.326.897
Cộng		19.480.259.862	76.046.592.894
2 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG		Cuối năm	Đầu năm
- CT TNHH Đầu tư và thương mại Hưng Thịnh An		20.079.000.000	-
- CT TNHH MTV Hưng Lộc Phát Gia Lai		917.016.000	51.700.000.000
- CT TNHH MTV Thuận Thành Công Gia Lai		105.033.572.240	24.830.000.000
- Các khoản phải thu Khách hàng khác		4.045.791.706	7.384.225.639
Cộng		130.075.379.946	83.914.225.639
3 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		Cuối năm	Đầu năm
Công ty VIET CHOICE GENERAL TRADING LLC		106.900.000	106.900.000
Công ty CP Xây dựng số 9		122.930.435	141.919.310
công ty TNHH PKF Việt Nam		102.500.000	40.000.000
Công ty TNHH Tân Chuẩn		-	17.062.500
Công ty CP Thiết kế kiến trúc và Xây dựng AIS		-	255.730.000
Báo nhà báo và Công luận		-	100.000.000
Các đối tượng khác		1.518.541.495	2.201.958.218
Cộng		1.850.871.930	2.863.570.028
4 . PHẢI THU KHÁC		Cuối năm	Đầu năm
		Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn		52.944.676.371	-
- Phải thu khác		47.753.831.169	-
- Tạm ứng		5.190.845.202	-
			Giá trị
			Dự phòng
			6.294.276.289
			0
			6.294.276.289
5 . HÀNG TỒN KHO		Cuối năm	Đầu năm
		Giá trị	Dự phòng
Nguyên vật liệu		34.882.827.377	-
Công cụ, dụng cụ		23.000.000	-
Chi phí SXKD dở dang		0	-
Thành phẩm nhập kho		8.565.242	-
Hàng hóa		1.227.826.396	-
Cộng		36.142.219.015	57.494.290.960

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

	Số cuối năm	Số đầu năm
6 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC		
Chi phí trả trước ngắn hạn	197.737.634	153.468.358
Thuế GTGT được khấu trừ	15.861.751.927	11.775.763.471
Thuế phải thu của Nhà nước	2.149.595	-
Cộng	16.061.639.156	11.929.231.829
7 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH: Xem chi tiết tại Phụ lục 01		
8 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH: Xem chi tiết tại Phụ lục 02		
9 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH DỞ DANG	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng tổ hợp nhà kho chứa hàng hóa	38.314.947.181	29.123.318.329
	38.314.947.181	29.123.318.329
10 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN	Cuối năm	Đầu năm
- Chi phí thuê đất	5.186.531.575	4.096.242.895
- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với	3.583.805.228	3.583.805.228
- Chi phí khác	1.238.959.853	390.756.709
Cộng	10.009.296.656	8.070.804.832
11 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	Cuối năm	Đầu năm
- Lumex	63.753.682.432	-
- Tấn Hưng thông qua Hưng lộc phát	73.526.708.113	-
- Tấn Hưng thông qua Lumex	314.329.405.734	-
- Trích vào chi phí trong kỳ	(3.763.414.969)	-
Cộng	447.846.381.312	-
12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty TNHH MTV Cơ khí xây dựng Minh Thuận	2.118.705.600	2.118.705.600
- Công ty CP cơ khí và xây dựng Quang Trung	3.647.618.500	-
- Phải trả cho các đối tượng khác	7.301.785.821	2.419.027.264
Cộng	13.068.109.921	4.537.732.864
13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN	Cuối năm	Đầu năm
VASANT	1.864.043	-
SADRNOVIN	1.294.173	-
Vina	-	4.821.013

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

SANJAYIMPEX	2.056.305	-
GENERAL	17.195.110	17.195.110
- Các khách hàng khác	2.743.161.349	127.492.116
Cộng	2.765.570.980	149.508.239

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
- Thuế GTGT	-	287.549.763	-	287.549.763
- Thuế TNDN	7.745.725.323	3.026.690.796	4.250.000.000	6.522.416.119
- Thuế TNCN	334.372.041	673.893.086	544.000	1.007.721.127
- Thuế khác	154.773.538	4.000.000	4.000.000	154.773.538
Cộng	8.234.870.902	3.992.133.645	4.254.544.000	7.972.460.547

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	177.405.613	2.292.107
- Bảo hiểm y tế	63.288.000	540.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	28.128.000	240.000
- Phải trả, phải nộp khác	17.410.006	5.805.817
- Lãi vay		
Cộng	286.231.619	8.877.924

16 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Cuối năm	Đầu năm
Vay ngắn hạn	161.079.571.755	105.120.980.000
Vay ngân hàng	145.749.907.092	103.467.980.000
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (1)	49.033.268.162	14.000.000.000
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (2)	45.482.161.595	84.642.980.000
Ngân hàng TMCP Tiên Phong (3)	-	4.825.000.000
Vay khác	51.234.477.335	
Vay cá nhân	15.329.664.663	1.653.000.000
Nguyễn Trọng Dũng	276.666.663	350.000.000
Dương Quang Lư	15.052.998.000	1.303.000.000
Vay dài hạn	51.918.349.300	57.555.829.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - chi nhánh Cầu Giấy (4)	-	2.325.550.000
Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam - CN Hà Thành (5)	20.217.339.300	19.335.350.600
Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (6)	31.250.000.000	35.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Thanh Xuân (7)	-	894.928.400
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (8)	451.010.000	-
Cộng	212.997.921.055	162.676.809.000

(1) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành số: 01/2015/4290213 ngày 20/04/2015, hạn mức là 120.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hồ tiêu. Lãi vay trả hàng tháng, gốc vay trả theo kỳ hạn từng khế ước. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị hàng hóa hình thành từ vốn vay.

(2) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và Phụ lục số: 1483LAV201500346 Ngày 30/06/2015, hạn mức hợp đồng là 85.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiêu, quế, tằm... Lãi vay trả hàng tháng, gốc trả theo kỳ hạn từng khế ước. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị hàng hóa hình thành từ vốn vay.

(3) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng TMCP Tiên Phong số: 71-03.15/HĐTD/TPBANK/TTKH.HO ngày 26/03/2015, hạn mức hợp đồng là 200.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay không quá 6 tháng. Mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hồ tiêu. Lãi vay trả hàng tháng, gốc vay trả theo kỳ hạn từng khế ước. Tài sản đảm bảo là toàn bộ giá trị hàng hóa hình thành từ vốn vay.

(4) Ngân hàng TMCP Đông Nam Á số REF1503500166/HĐTD ngày 13/02/2015, hạn mức hợp đồng là 3.220.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích vay là mua 01 xe ô tô JAGUAR PORTFOLIO, đã qua sử dụng, sản xuất tại Anh, theo hợp đồng mua bán số 261214/HĐMB/TP ngày 26/12/2014. Gốc và lãi vay trả theo 36 kỳ (01 tháng/kỳ). Tài sản đảm bảo là 01 xe ô tô JAGUAR PORTFOLIO, mang biển số 30A - 569.78, giá trị tài sản đảm bảo là 4.600.000.000 VNĐ.

(5) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành số: 01/2015/4290213/HĐTDTDH ngày 20/10/2015, hạn mức hợp đồng là 28.389.750.000 VNĐ, thời hạn vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Mục đích vay là Đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến nông sản Hà Nội Kinh Bắc tại Lô đất số D1.5.2, KCN Nhon Hoà, Nhon Thọ, An Nhon, Bình Định. Lãi vay trả theo 48 kỳ (01 tháng/kỳ), gốc vay trả theo 16 kỳ (3 tháng /kỳ) kể từ khi hết hạn rút vốn. Tài sản đảm bảo là toàn bộ các bất động sản đã hình thành, đang được hình thành và sẽ hình thành thuộc dự án; tất cả các quyền phát sinh từ hợp đồng, lợi ích mà Bên Vay được hưởng tại dự án; tất cả các khoản thu nhập, lợi tức, lợi ích phát sinh từ chuyển nhượng, thực chi dự án.

(6) Hợp đồng tín dụng Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số: 1483 LAV201500652 ngày 14/02/2015, hạn mức vay là 35.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay 84 tháng. Mục đích vay là thanh toán tiền mua tài sản trên đất cho Công ty CP Nông Nghiệp Lumex Việt Nam theo Hợp đồng mua bán số 01/2015/HĐMB/LUMEX-HKB ký ngày 29/10/2015 giữa Công ty CP Nông Nghiệp và Thực Phẩm Hà Nội Kinh Bắc và Công ty CP Nông Nghiệp Lumex Việt Nam. Lãi vay trả theo 84 kỳ (01 tháng/kỳ), gốc vay trả theo 28 kỳ (3 tháng /kỳ). Tài sản đảm bảo là tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Lô D2.5.1 KCN Nhon Hoà, Nhon Thọ, An Nhon, Bình Định theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CA072985, sổ vào sổ cấp GCN: CT03973 do UBND tỉnh Bình Định cấp ngày 24/11/2015.

(8): Hợp đồng tín dụng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo dự án ĐTPT số 01/2011/DA/VCB.TX-HNKB ngày 25/05/2011, hạn mức hợp đồng là 12.000.000.000 VNĐ, thời hạn vay là 60 tháng. Nguồn vốn vay gồm nguồn Vietcombank là 3 tỷ, nguồn JICA là 9 tỷ. Mục đích vay là đầu tư tổ hợp chế biến nông sản và thực phẩm xuất khẩu. Thời gian ân hạn là 05 tháng. Lãi vay trả hàng tháng, gốc vay trả theo kỳ hạn từng khế ước. Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản hình thành từ nguồn vốn vay. Giá trị tài sản đảm bảo là 19.263.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

Lãi suất vay vốn:

- Nguồn Vietcombank: Lãi suất áp dụng bằng lãi suất sàn cho vay trung hạn của Vietcombank - CN Thanh Xuân từng thời kỳ sẽ điều chỉnh giảm 1% thay đổi theo thời kỳ thay đổi lãi suất của VCB (lãi suất trong kỳ là 12,5%/năm).
- Nguồn JICA: Lãi suất áp dụng bằng lãi suất sàn cho vay trung hạn của Vietcombank - CN Thanh Xuân từng thời kỳ sẽ điều chỉnh giảm 2% (thay đổi 03 tháng/lần kể từ ngày 04/10/2011) (lãi suất trong kỳ là 12,5%/năm).

(8): Hợp đồng tín dụng Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long số 01/2016-HĐTD/NHCT3216-HNKB ngày 29/03/2016, hạn mức hợp đồng là 530.600.000 VND, thời hạn vay là 60 tháng. Mục đích vay là mua ô tô phục vụ mục đích đi lại của doanh nghiệp. Tài sản đảm bảo là xe TOYOTA INNOVA, biển số: 30E - 133.63, giá trị tài sản đảm bảo là 758.000.000 VND.

17. VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	100%	515.999.990.000	200.000.000.000
+ Vốn góp của công ty mẹ			
+ Vốn góp của các đối tượng khác			
Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cô tức, chia lợi nhuận		Cuối năm	Đầu năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu			
- Vốn góp đầu năm		200.000.000.000	157.215.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		315.999.990.000	42.785.000.000
- Vốn góp giảm trong kỳ		-	-
- Vốn góp cuối năm		515.999.990.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		20.517.632.786	-
Các quỹ của doanh nghiệp		Cuối năm	Đầu năm
- Quỹ đầu tư phát triển		5.367.642.786	850.000.000
- Quỹ phúc lợi khen thưởng		177.205.000	187.205.000
Cổ phiếu		Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		51.599.999	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		51.599.999	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông		51.599.999	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu được mua lại			
- Cổ phiếu phổ thông			
- Cổ phiếu ưu đãi			
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		51.599.999	20.000.000
- Cổ phiếu phổ thông		51.599.999	20.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi			

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	765.121.444.698	434.623.742.716
Cộng	765.121.444.698	434.623.742.716
2 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
Chiết khấu thương mại	60.350.130	-
Cộng	60.350.130	-
3 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	765.061.094.568	434.623.742.716
Cộng	765.061.094.568	434.623.742.716
4 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	632.084.839.632	408.429.685.793
	632.084.839.632	408.429.685.793
5 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	487.971.417	87.851.352
Lãi chênh lệch tỷ giá	294.798.171	-
Cộng	782.769.588	87.851.352
4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	11.866.935.254	3.723.824.597
Lỗ chênh lệch tỷ giá	59.113.883	618.714.877
Cộng	11.926.049.137	4.342.539.474
5 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nhân công	7.310.537.907	4.942.123.650
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.891.545.598	2.663.429.288
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.992.612.001	5.332.764.046
Chi phí bằng tiền khác	2.333.500.308	2.964.182.631
Cộng	30.528.195.814	15.902.499.615
8 . THU NHẬP KHÁC		
Thanh lý, nhượng bán Tài sản	-	-
Các khoản khác	831.415.358	3.969.917.360
Cộng	3.104.142.631	3.969.917.360

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính hợp nhất)

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

9 . CHI PHÍ KHÁC	Năm nay	Năm trước
Thanh lý, nhượng bán Tài sản	-	
Các khoản khác	12.115.164.700	3.135.814.268
Cộng	12.115.164.700	3.135.814.268
10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		Năm nay
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		74.567.090.726
Tổng thu nhập chịu thuế		15.225.120.840
Thuế suất thuế TNDN		20%
Thuế TNDN hiện hành		3.045.024.168
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		71.522.066.558

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác****2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

3 . Báo cáo bộ phận**4 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****4.1 Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

4.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
Tiền gửi ngân hàng	19.408.845.642	75.203.326.897
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	33.800.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.965.293.347	90.208.501.928

4.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 năm trở lên (VND)	Cộng
Số đầu năm			
Các khoản vay	105.120.980.000	57.555.829.000	162.676.809.000
Phải trả người bán	4.537.732.864	-	4.537.732.864
Chi phí phải trả	8.334.000	-	8.334.000
Phải trả khác	8.877.924	-	8.877.924
Số cuối năm			
Các khoản vay	161.079.571.755	51.918.349.300	212.997.921.055
Phải trả người bán	13.068.109.921	-	13.068.109.921
Chi phí phải trả	8.334.000	-	8.334.000
Phải trả khác	90.450.234	-	90.450.234

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

4.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

5 Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán:

Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:	Cuối năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền và các khoản tương đương tiền	19.480.259.862	19.480.259.862
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	182.965.293.347	(*)
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	-	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Vay ngắn hạn	(161.079.571.755)	(161.079.571.755)
- Phải trả người bán và phải trả khác	(13.158.560.155)	(13.158.560.155)
- Vay dài hạn	(51.918.349.300)	(51.918.349.300)

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Cơ sở xác định giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các

5 Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Nông Nghiệp Hưng Lộc Phát	Công ty con
Công ty cổ phần Lumex	Công ty con
Công ty Tấn Hưng	Công ty con

Giao dịch với các bên liên quan:

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2016 bao gồm:

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị
Công ty Hưng Lộc Phát	Bán hàng hóa	11.100.000.000
Công ty cổ phần Lumex	Bán hàng hóa	32.913.384.307
Công ty Tấn Hưng	Bán hàng hóa	

Tại thời điểm 31/12/2016, các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Mẫu số B09-DN

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Điện thoại: 043 972 7890

Fax: 043 972 7891

cho năm tài chính 2016

Phải thu khách hàng

Công ty Hưng Lộc Phát

Cuối năm

917.016.100

Đầu năm

51.700.000.000

6 . Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất do Công ty Cổ phần Nông nghiệp và Thực phẩm Hà Nội - Kinh Bắc lập và phân loại lại theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

7 Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Hà Nội, ngày 20 tháng 01 năm 2017

Kế toán trưởng



Hoàng Thị Minh Hạnh



Chủ tịch HĐQT



Dương Quang Lư

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 043 972 7890 Fax: 043 972 7891

Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính 2016

Phụ lục 01: TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	68.710.244.540	14.396.632.450	5.599.320.000	0	0	88.706.196.990
Tăng trong năm	10.112.693.388	5.653.311.653	1.569.958.869	78.120.000		17.414.083.910
- Mua trong năm	0	0		78.120.000		78.120.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	0					0
- Tăng khác	10.112.693.388	5.653.311.653	1.569.958.869			17.335.963.910
Giảm trong năm	10.577.798.955	8.181.953.263	5.527.199.997			24.286.952.215
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán			5.527.199.997			5.527.199.997
- Giảm khác	10.577.798.955	8.181.953.263				18.759.752.218
Số dư cuối năm	68.245.138.973	11.867.990.840	1.642.078.872	78.120.000	0	81.833.328.685
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.967.427.547	1.669.538.535	492.078.593	0	0	5.129.044.675
Tăng trong năm	2.993.179.538	1.026.102.743	727.093.715	52.812.365		4.799.188.361
- Số khấu hao trong năm	2.993.179.538	1.026.102.743	727.093.715	52.812.365		4.799.188.361
- Tăng khác						
Giảm trong năm	1.766.308.876	1.224.765.794	1.008.140.607	0		3.999.215.277
- Chuyển sang BĐS đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán	0		1.008.140.607			1.008.140.607
- Giảm khác	1.766.308.876	1.224.765.794		0		2.991.074.670
Số dư cuối năm	4.194.298.209	1.470.875.484	211.031.701	52.812.365	0	5.929.017.759
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	65.742.816.993	12.727.093.915	5.107.241.407	0	0	83.577.152.315
2. Tại ngày cuối năm	64.050.840.764	10.397.115.356	1.431.047.171	25.307.635	0	75.904.310.926

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính hợp nhất)

Phụ lục 02: TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền bằng sáng chế	Phần mềm kế toán, thiết kế	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.148.000.000					7.148.000.000
Tăng trong năm						
- Mua trong năm						
- Tặng khác						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm	7.148.000.000					7.148.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm						
Tăng trong năm						
- Số khấu hao trong năm						
Giảm trong năm						
- Thanh lý, nhượng bán						
- Giảm khác						
Số dư cuối năm						
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	7.148.000.000					7.148.000.000
2. Tại ngày cuối năm	7.148.000.000					7.148.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NÔNG NGHIỆP VÀ THỰC PHẨM HÀ NỘI - KINH BẮC

Địa chỉ: Nhà 905 CT1-2 KĐT Mễ Trì Hạ, P. Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: 043 972 7890 Fax: 043 972 7891

Phu lục số 02: Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Năm trước			17.083.916.797	-	174.298.916.797
1. Số dư đầu năm	157.215.000.000	-	-	-	42.785.000.000
- Tăng vốn trong năm trước	42.785.000.000	-	-	-	4.937.714.461
- Lãi trong năm trước	-	-	4.937.714.461	-	850.000.000
- Tăng khác	-	850.000.000	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	1.503.998.472	-	1.503.998.472
4. Số cuối năm	200.000.000.000	850.000.000	20.517.632.786	-	221.367.632.786
Năm nay			20.517.632.786	-	221.367.632.786
1. Số đầu năm	200.000.000.000	850.000.000	-	-	315.999.990.000
- Tăng vốn trong năm nay	315.999.990.000	-	-	-	60.697.120.078
- Lãi trong năm nay	-	-	60.697.120.078	12.702.139.309	4.517.642.786
- Tăng khác	-	4.517.642.786	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	(20.517.632.786)	52.434.617	(20.465.198.169)
4. Số cuối năm	515.999.990.000	5.367.642.786	60.697.120.078	12.649.704.692	594.714.457.556